

Bản án số: 63/2026/DS - PT

Ngày: 06/5/2026

V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các thẩm phán: Ông Hoàng Văn Giang.

Bà Nguyễn Thị Thuý.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Dương Lương Tùng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 11/2026/TLPT-DS ngày 05/02/2026 về “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (nay là tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn K, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (nay là tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lã Thị Á, sinh năm 1950. Có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981. Có mặt.

3.3. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1982. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (nay là tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên).

4. Người làm chứng:

4.1. Lã Văn T1, sinh năm 1959. Có mặt.

4.2. Nguyễn Văn M. Vắng mặt.

4.3. Lương Văn P. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (nay là tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên).

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn N trình bày:*

Năm 2020 đất đai trên đồi ở khu vực nhà ông ở sát xuống đường Quốc lộ 3 và một phần đất vườn của ông đang trồng chuối và mấy cây na (chính là khu vườn mà ông yêu cầu bồi thường hiện nay). Thời điểm đó đất đá trên đồi chỉ bị sạt vào lấp một phần góc vườn phía giáp với đất ông Lã Văn K1 bán cho ông Đinh Văn K. Sau đó, Công ty Đ thuê công ty T3 vào san ủi, dọn phần sát xuống đường Quốc lộ 3. Ông cũng thoả thuận với công ty T3 khi nào dọn phần sát ở đường Q xong thì dọn phần đất sát xuống vườn của ông. Đến năm 2021, ông Đinh Văn K tiến hành san ủi mở đường lâm nghiệp vào khu đất rừng phía sau nhà ông đang ở làm đất đá tiếp tục sạt lở, rơi xuống vườn và các công trình phụ, nhà ở cho thuê gây thiệt hại về tài sản cho gia đình ông. Vì vậy ông làm đơn đề nghị UBND phường X, UBND phường đã tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay ông khởi kiện yêu cầu những vấn đề sau: Yêu cầu ông Đinh Văn K mức toàn bộ đất đá sạt lở, trả lại vườn cây ăn quả cho gia đình ông; Yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại về tài sản gồm: Vườn cây ăn quả và rau trong 03 năm và chuồng lợn bị hư hỏng tổng là 45.000.000đ; Phòng ở cho thuê mỗi tháng 1.000.000đ, trong 3 năm là 36.000.000đ.

Ông thừa nhận trước đây có được nhận của ông Đinh Văn K số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền bồi thường mấy cây chuối ở phía góc vườn giáp đất ông K. Khi ông K tiến hành mở đường vào khu đồi phía sau thì có qua sát góc vườn nhà ông, khi đó ông nghĩ chỉ thiệt hại mấy cây chuối phía góc nên ông đồng ý nhận số tiền 2.000.000đ. Nhưng sau khi san ủi thì đất đá sạt lở vào hết cả vườn nhà ông. Nay ông đồng ý trong tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 81.000.000đ, ông sẽ trừ đi 2.000.000đ đã nhận, chỉ yêu cầu ông K phải bồi thường tổng số tiền 79.000.000đ (*Bảy mươi chín triệu đồng*).

Ông N cũng thừa nhận, năm 2018 ở khu vực cây nhãn và gian phòng trọ cho thuê của ông có hiện tượng sạt lở do có nước ở trên đồi chảy xuống, nên ông đã làm đơn lên UBND thành phố B (cũ) để UBND thành phố B xuống kiểm tra xem việc sạt lở như vậy có ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình ông hay không, nếu có thì có phương án chống sạt lở cho gia đình ông. Đất đồi phía trên căn phòng trọ trước đây là đất của gia đình ông nhưng ông đã bán cho ông K từ

năm 2016. Hiện tượng sạt lở tại khu vực này bắt đầu xuất hiện từ năm 2018. Theo ông là do thiên nhiên gây nên, nước nhiều do mưa nhiều, kết hợp với kết cấu đất không vững chắc dẫn đến hiện tượng sạt lở. Ông có được tham gia buổi kiểm tra ngày 01/10/2018. Nội dung biên bản ngày 01/10/2018 đã phản ánh đúng hiện trạng đất khu vực này tại thời điểm đó, ông nhất trí với nội dung biên bản này. Thời điểm đó có sạt lở ở khu vực này nhưng chưa gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho gia đình ông. Đến năm 2021 khi ông K san ủi con đường ở trên đồi thì mới tiếp tục sạt lở.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Văn K trình bày:*

Năm 2016 ông có nhận chuyển nhượng của ông N, ông K1 đất đồi rừng ở khu vực xung quanh nhà ông N. Trước khi ông san ủi (Năm 2021) thì khu vực xung quanh nhà ông Nguyễn Văn N đã có sạt lở. Năm 2018 ông N đã làm đơn đề nghị phòng chống sạt lở gửi UBND thành phố B.

Cũng trong năm 2018 do mưa lũ, đất đá trên đồi gia đình ông bị sạt lở xuống đường Quốc lộ 3. Sau đó Công ty Đ thuê công ty T3 vào san ủi dọn phần sạt xuống đường Quốc lộ 3 và hỗ trợ bồi thường cho gia đình ông số tiền 10.000.000đ (có biên bản thống nhất hỗ trợ bồi thường ngày 12/11/2018). Về sau, do đất đá trên đồi gia đình ông sạt lở nhiều nên ông làm đơn gửi UBND thành phố B xin san ủi để phòng chống sạt lở. Đến cuối năm 2020 thì ông mới được cấp phép san ủi. Năm 2021 ông bắt đầu san ủi, khi đó ông N có nói với ông rằng ông N không có tiền san ủi và nhờ ông san ủi giúp, nhưng ông không đồng ý vì đất đá khu đồi nhà ông vẫn đang sạt lở, ông chỉ san ủi phần đất của ông.

Khi san ủi, ông san theo đúng hồ sơ thiết kế, không san ủi vào đất nhà ông N, đường lâm nghiệp ông mở cách nhà ở của ông N một đoạn, hiện nay vẫn còn ta luy dương, cây cỏ mọc tự nhiên và cây ăn quả (04 cây vải) ông N trồng vẫn còn nguyên, ông chưa san ủi đến. Phần mộ gia đình ông N vẫn còn nguyên bên cạnh đường lâm nghiệp ông san ủi. Phía trên khu vực đất đá sạt lở xuống công trình phụ nhà ông N thì ông không hề san ủi. Đất đá sạt lở xuống nhà ông N là do tự nhiên, kết cấu địa tầng của đất không bền vững gây nên. Nguyên nhân gây sạt lở cũng đã được UBND thành phố B (cũ) xác định trong lần xuống kiểm tra khi ông N đề nghị UBND thành phố chống sạt lở.

Ông khẳng định đất đá sạt lở vào khu vực công trình phụ, nhà cho thuê và khu vườn gây thiệt hại cho gia đình ông N không phải do ông san ủi gây nên, vì vậy ông không nhất trí bồi thường. Trước khi ông tiến hành san ủi thì ông đã hỗ trợ cho gia đình ông N 02 lần để di dời những cây ăn quả trong vườn, lần thứ nhất là 500.000đ không viết giấy biên nhận, lần thứ hai là 2.000.000đ có viết giấy biên nhận.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lã Thị Á và anh Nguyễn Văn D trình bày:* Nhất trí với lời trình bày của ông N và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị T trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N vì yêu cầu khởi kiện của ông N là không có căn cứ, gia đình bà không làm hư hỏng hay phá hoại phòng ở cho thuê, công trình phụ của gia đình ông N. Còn về vườn cây thì gia đình bà đã hỗ trợ ông N và ông N đã đồng ý.

* *Những người làm chứng trình bày:*

Ông Lương Văn P trình bày: Khoảng tháng 10/2023 ông có được ông K thuê dọn dẹp và đào phân đất lở phía bên trên từ mép tường phía giáp đồi đến hết tường đằng sau nhà ông N, chiều dài khoảng hơn 4m. Ông thấy khu vực đó có đất đá sạt lở xuống sát bức tường của căn nhà mà ông N xây để cho thuê. Chiều cao chỗ đất đá vùi bức tường chỗ cao nhất là khoảng 1m, chỗ thấp nhất là khoảng 50cm trên chiều dài bức tường là khoảng 4m. Khi dọn dẹp xong thì ông thấy có vết rạn nứt có chiều rộng khoảng 1cm. Ông không thấy phía trong căn nhà bị ảnh hưởng gì. Sau khi dọn dẹp xong ông đã gọi ông N bà Á (là cậu, vợ của ông P) ra xem được chưa thì ông N bà Á đã đồng ý. Ông không nhìn thấy có đất đá văng vào phía trong căn nhà.

* *Ông Nguyễn Văn M trình bày:* Ông thuê nhà của ông N từ năm 2018 đến năm 2021 với giá 1.000.000đ/01 tháng, không có hợp đồng thuê nhà mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau, hàng tháng ông trả tiền thuê nhà cho ông N bằng tiền mặt, không viết giấy tờ biên nhận gì. Ông không biết ông N có đăng ký kinh doanh phòng trọ hay không. Thời điểm ông còn thuê trọ thì ông thấy khu vực gần chuồng lợn nhà ông N có sạt lở. Sau đó có một vài cơn mưa thì có đất đá sạt lở xuống tường nhà nên ông chuyển đi, ông không rõ nguyên nhân sạt lở. Ông không biết có ai san ủi ở khu vực đây hay không. Ông chỉ thấy đất đá vùi mấy cây chuối và ít rau, ngoài ra ông không để ý. Đối với căn phòng trọ, ông thấy có 02 lỗ thùng nhỏ trên tường, ngoài ra không thấy thiệt hại gì khác. Bản thân ông không bị ảnh hưởng gì từ việc đất đá sạt lở.

* *Ông Lã Văn T1 trình bày:* Ông T1 hiện là bí thư chi bộ của tổ dân phố. Về nguyên nhân sạt lở, trước khi ông K san ủi thì đã có sạt lở từ năm 2018. Ông T1 đi chăn bò ở khu vực này phát hiện có vết rạn nứt sâu, vết nứt kéo dài từ sau cột điện thứ hai (bên trên con đường lâm nghiệp mà ông K mở sau đó) đến khu nhà ở của ông K. Ông đã cắm gậy cảnh báo và tác động gia đình ông K di dời nhà đi chỗ khác. Sau đó ông K làm đơn xin san ủi. Theo ông nhận định thì nếu ông K không san ủi cắt mặt bằng như hiện nay thì có thể đã sạt lở hết nửa đồi, vùi lấp nhà ông K và phần nhà ông N (Vì nhà cũ ông K ở ngay phía trên đồi, đằng sau nhà ông N).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015; Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn N về việc buộc bị đơn Đinh Văn K mức toàn bộ đất đá trả lại vườn cây ăn quả cho gia đình ông Nguyễn Văn N; Bồi thường thiệt hại những chỗ bị sạt lở làm hư hỏng công trình phụ, phòng trọ cho thuê, vườn trồng cây ăn quả và rau với tổng số tiền 79.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quy định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/12/2025 nguyên đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn: Không nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, giữ nguyên các nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến có quan điểm như sau:

- Về sự tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa, HĐXX nhận định

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đảm bảo về hình thức và làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng ông M, ông P vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án. Việc vắng mặt những người trên không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. *Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N:*

Ông Nguyễn Văn N khởi kiện ông Đinh Văn K yêu cầu đền bù thiệt hại do bị đơn tiến hành san ủi mở đường lâm nghiệp và san ủi khu đồi đằng sau nhà nguyên đơn dẫn đến đất đá sạt lở, vùi lấp vườn cây ăn quả và làm thủng tường của căn phòng cho thuê trọ của nguyên đơn, hỏng công trình phụ (chuồng lợn) gây thiệt hại về kinh tế cho gia đình nguyên đơn với số tiền 79.000.000 đồng.

[2.1]. *Về xác định thiệt hại thực tế xảy ra của gia đình ông N:* Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ 12/9/2024 và 01/12/2025 thì phía sau nhà ông N, phần giáp tường bao có đất đá sạt lở khối lượng khoảng 10m³ đất đá (5 x 1,7 x 1,2m). Công trình phụ (chuồng lợn) có đất đá sạt lở đến chân tường nhưng chưa có thiệt hại. Có 01 nhà cấp IV, tường xây gạch xi măng cốt liệu, mái lợp tôn xộp, trát một mặt, có diện tích 15m² (Đây là căn nhà mà ông N cho thuê trọ). Quan sát bằng mắt thường thấy trên tường phía Đông ngôi nhà có 02 lỗ thủng: Lỗ thứ nhất, phía trong nhà có kích thước 30x30cm, phía bên ngoài kích thước 30x20cm; lỗ thứ hai, bên trong kích thước 30x30cm, bên ngoài kích thước 20x10cm. Theo ý kiến của đại diện Phòng Quản lý đô thị của UBND thành phố B thì: Quan sát bằng mắt thường hiện nay ngôi nhà chưa bị thiệt hại, hư hỏng do ảnh hưởng của đất đá sạt lở; Về cây cối, hoa màu: Trên đất có 15 cây chuối to, nhỏ khác nhau; 08 cây sắn tàu; 01 cây nhãn phi 30; 01 cây xoài phi 10; nghệ đen, rau ngải, lá lốt trên diện tích khoảng 4m² (những cây ăn quả, hoa màu này vẫn đang sinh trưởng, không bị đất đá vùi lấp hay làm hư hỏng). Sau 02 cơn bão số 10, số 11 năm 2025, hiện trạng sạt lở và các tài sản trên đất tại phần diện tích đất giáp với Quốc lộ C và phần giáp với khu nhà trọ hiện trạng vẫn giữ nguyên, không có thiệt hại thêm so với lần xem xét thẩm định ngày 12/9/2024; Đối với phần phía sau giáp chuồng lợn có sạt lở thêm, tổng khối lượng sạt lở khoảng 15m³, tăng 5m³ so với khối lượng đã được xác định tại biên bản xem xét thẩm định ngày 12/9/2024. Mái pro X có 02 tấm bị thủng; 01 tường phía ngoài chuồng lợn bị nứt kích thước 3 x 0,7m, tường 10cm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án trung cầu định giá tài sản, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào về giá trị thiệt hại thực tế. Như vậy, không có căn cứ để xác định thiệt hại của gia đình ông N do đất đá sạt lở gây nên.

[2.2]. *Về nguyên nhân sạt lở:* Vị trí sạt lở được xác định tại buổi xem xét thẩm định của Tòa án trùng với vị trí sạt lở mà đoàn kiểm tra của UBND thành phố B (cũ) đã xác định. Xem xét con đường và khu đồi mà bị đơn san ủi, vị trí từ con đường đến khu vực gia đình ông N có khoảng cách khá xa. Cách vị trí ngôi mộ của gia đình ông N khoảng 5m mới đến con đường mà ông K san ủi. Ông K cho rằng việc ông mở con đường này là để cắt ngang mạch sạt lở từ trên đỉnh núi xuống làm giảm nguy cơ sạt lở, lời khai này của ông K phù hợp với ý kiến của người làm chứng Lã Văn T1 là bí thư chi bộ của tổ dân phố.

Bản thân nguyên đơn cũng thừa nhận năm 2018 vì khu vực xung quanh nhà có hiện tượng bị sạt lở nên ông mới làm đơn xin chống sạt lở. Ông cũng xác nhận nội dung biên bản kiểm tra ngày 01/10/2018 là hoàn toàn đúng với thực tế. Do ông K không nhất trí bỏ kinh phí nên ông cũng không liên hệ lại với Phòng Quản lý đô thị để được hướng dẫn làm hồ sơ chống sạt lở. Tại văn bản số 1454/UBND - QLĐT ngày 09/10/2018 (BL68), tại các biên bản xác minh đối với ông Lưu Đình T2, bà Nguyễn Thị M1, ông Hoàng Hữu K2 là cán bộ chuyên môn của UBND phường X (cũ) và UBND phường B hiện nay đều xác định biên bản này 01/10/2018 ghi đúng hiện trạng thực tế và xác định rõ hiện trạng đất vẫn có nguy cơ tiếp tục sạt lở do kết cấu địa chất, đất đá của quả đồi tại vị trí đó không ổn định, không phụ thuộc vào việc có tác động san ủi hay không, nếu không có các biện pháp can thiệp, xử lý như làm kè ta luy thì khi xảy ra các tác động từ thiên tai như mưa lũ lớn thì việc sạt lở hoàn toàn có thể tiếp tục xảy ra. UBND thành phố B đã đề nghị gia đình ông N phối hợp với chủ đất là ông K để thống nhất phương án chống sạt lở. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ, đại diện UBND phường B cũng xác định nguyên nhân sạt lở tại khu vực công trình phụ là do thiên tai, mưa lũ dẫn đến đất đá bị trượt xuống.

Như vậy, việc sạt lở đã có từ trước khi ông K thực hiện san ủi và nguyên nhân dẫn đến sạt lở là do thiên tai cấu địa chất, đất đá của quả đồi tại vị trí đó không ổn định. Ông N đã được cảnh báo về nguy cơ tiếp tục xảy ra tình trạng đó từ năm 2018 nhưng cũng không thực hiện bất cứ biện pháp nào để phòng chống sạt lở. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định xây dựng đối với nguyên nhân sạt lở. Do đó không có căn cứ xác định hành vi san ủi đất của ông K là nguyên nhân gây ra sạt lở đất cũng như thiệt hại nêu trên cho ông N.

[2.3]. *Đối với thiệt hại vườn cây ăn quả và rau:* Căn cứ kết quả xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ thông tin tài liệu do UBND phường B, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B cung cấp thì vị trí ông N xác định là vườn cây ăn quả, trồng rau là các vị trí: Thửa số 01 (CLN) diện tích 224,7m² được giới hạn bởi các điểm từ 1, 2, 13, 12, 12, 11, 10 nằm trong thửa số 444, tờ bản đồ số 1 ông Nguyễn Văn N đã chuyển nhượng cho ông Đình Văn K và bà Đoàn Thị T từ năm 2017; Thửa số 02 (RSX) diện tích 76,2m² được giới hạn bởi các điểm từ 2, 3, 4, 13, nằm trong thửa đất 650, tờ bản đồ số 1, GCN QSDĐ mang tên chủ sử dụng là ông K và bà T; Thửa số 03 (RSX) diện tích 197,7m² được giới hạn bởi các mốc 4, 5, 6, 14, 12, 13, nằm trong thửa đất 678, tờ bản đồ số 1, GCN QSDĐ mang tên chủ sử dụng là ông K và bà T; Thửa số 04 (DGT) diện tích 147,7m² được giới hạn bởi các mốc 6, 7, 19, 18, 17, 16, 15, 12, 14, và Thửa số 05 (DGT) diện tích 94,8m² được giới hạn bởi các mốc 19, 8, 9, 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, nằm trong chỉ giới thu hồi Quốc lộ C. Theo quyết định số 2826/QĐ_UBND ngày 02/12/2004 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ C gói thầu số 14 (KM145-Km150+250) đoạn qua xã X, thị xã B thì ông Nguyễn Văn N không có đất, chỉ có cây cối hoa màu trị giá 163.500đ (Một trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng) có biên bản thống kê đất đai, tài sản, cây cối, hoa màu kèm theo, tại thời

điểm bồi thường giải phóng mặt bằng 02/12/2004 đã xác định đất thuộc hành lang giao thông đã được thu hồi trước đó, ông N không có đất đai nên chỉ được bồi thường phân hoa màu. Mặt khác, đối với các cây ăn quả và rau của ông N theo hiện trạng tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/9/2024 của Tòa án thể hiện không có thiệt hại gì. Quá trình giải quyết vụ án, ông N thừa nhận đã nhận số tiền mà ông K bồi thường hỗ trợ thiệt hại về cây trồng là 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, vườn cây ăn quả và trồng rau mà ông N canh tác hoàn toàn không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông N. Ông K san ủi mở đường lâm nghiệp trong phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông K nên việc ông N yêu cầu ông K phải mức đất đá để trả lại vườn cây ăn quả và bồi thường thiệt hại do cây trồng bị san lấp cho ông N là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thiệt hại về tài sản nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ xác định định thiệt hại thực tế, hành vi xâm phạm tài sản của bị đơn có mối quan hệ nhân quả với thiệt hại xảy ra. Căn cứ quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, không có cơ sở để xác định nguyên nhân gây sạt lở và những thiệt hại về tài sản của ông N là do ông K san ủi trực tiếp gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N cũng không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới nhằm chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N không có căn cứ chấp nhận cần bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, do HĐXX phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm nên người kháng cáo ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên do ông N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn N.

3. Các quyết định khác của bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 6- Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 6- Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn